

# THÔNG NHẤT NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN

## KHỐI 7:

### 1. Nội dung:

- Chủ đề 1: SỐ HỮU TỈ
  - o Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.
  - o Các phép tính với số hữu tỉ.
- Chủ đề 2: SỐ THỰC
  - o Số vô tỉ và số thực
- Chủ đề 3: CÁC KHỐI TRONG THỰC TIỄN
  - o Hình hộp chữ nhật và hình lập phương
  - o Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
- Chủ đề 4: CÁC HÌNH HỌC CƠ BẢN
  - o Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc
  - o Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song
- Chủ đề 5: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ
  - o Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có

### 2. Hình thức kiểm tra: đề có 2 phần

#### a. Phần trắc nghiệm (30% ): Trong đó:

Nhận biết: 20, %

Thông hiểu: 10%

#### b. Phần tự luận (70%): Trong đó:

Nhận biết: 10%

Thông hiểu: 30%

Vận dụng: 20%

Vận dụng cao: 10%

**NỘI DUNG THỐNG NHẤT KIỂM TRA CUỐI HKI**  
**MÔN NGỮ VĂN**  
**Năm học: 2025-2026**

**A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA**

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Kiến thức văn bản (5 điểm)

- Kiến thức tiếng Việt (1 điểm) (Có thể lấy ngữ liệu ngoài ngữ liệu trên phần đọc hiểu)

II. Làm văn (4 điểm)

Viết văn bản hoàn chỉnh

**B. MA TRẬN ĐỀ**

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Nhận biết + thông hiểu (bao gồm cả Văn bản và Tiếng Việt): 5 điểm

- Vận dụng: 1 điểm

II. Làm văn (4 điểm)

Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh.

**\* Khối 7:**

- Văn bản: Tản văn, Tuỳ bút (Ngữ liệu ngoài SGK)

- Tiếng Việt: Từ Hán Việt

- Tập làm văn: Viết bài văn biểu cảm về người thân.

# HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK1 MÔN TIẾNG ANH 7 - NĂM HỌC 2025 - 2026

## Pronunciation (1pt)

- Ending sounds : ed , ou ,
- Stress (syllable 1, 2)

## Multiple choice (2pt) → 8 câu

\* Các Units từ 1 đến 5 (lesson1) trong ILSW7

(New words, Prepositions và Connectives, Conj,Connect.,Prep...)

## Signs / Warnings/ Notice/ (0,25pt)

Traffic and Sign

## Guided cloze (1,5pt) → 6 câu với 4 chọn lựa mỗi câu

(Đoạn văn từ 140 từ đến 155 từ)

Community services + Music and Arts

- (Danh từ, tính từ, trạng từ, động từ, liên từ, giới từ)

## Reading comprehension – True or False (1pt) 4 câu và 2 câu suy luận tổng hợp (0.5pt)

(Đoạn văn từ 140 từ đến 155 từ)

Community services + Music and Arts

## Word form (1,5pt) 6 câu

- 1 verb
- 2 nouns
- 2 Adjectives
- 1 adverb

## **Suggested key words :**

Taste, spice, fry, grill, grocer, health, proper, effect, difficult, weigh, solve, perform, crime, donate, drama, recycle, tradition, collect, organize, life, volunteer, available

## Writing (1.5 pts)

### **1. Rearrange the words and phrases in the correct order (0,5 pt)**

Cấu trúc câu trong câu phức, câu ghép

Community services + Music and Arts

### **2. Write a short paragraph from 45 to 55 words (1 pt)**

Topic: Your favorite sport

## LISTENING (1pt)

### **Unit 2: HEALTH**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC TỰ  
NHIÊN 7**

Năm học 2025 – 2026

- **Thời điểm kiểm tra:** Tuần 16
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- **Mức độ:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng; ở mỗi mức độ số câu hỏi chia theo tỉ lệ 70% cho phần trắc nghiệm và 30% cho phần tự luận như sau:
  - + Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,0 điểm gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm
  - + Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm gồm 12 ý, mỗi ý 0,25 điểm
  - + Phần tự luận: 3,0 điểm gồm 12 ý mỗi ý 0,25 điểm.

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TỈ LỆ PHẦN TRĂM</b>	
<b>Nội dung kiến thức:</b> Từ bài 01 đến hết bài 14	<b>100%</b>	
<b>Mở đầu.</b> <b>Bài 1:</b> Phương pháp và kỹ năng học môn KHTN	<b>25%</b>	
<b>Chủ đề 1:</b> Nguyên tử- Nguyên tố hóa học- Sơ lược tuần hoàn các nguyên tố hóa học. <b>Bài 2:</b> Nguyên tử. <b>Bài 3:</b> Nguyên tố hóa học. <b>Bài 4:</b> Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.		
<b>Chủ đề 2:</b> Phân tử <b>Bài 5:</b> Phân tử - Đơn chất – Hợp chất. <b>Bài 6:</b> Giới thiệu về liên kết hóa học. <b>Bài 7:</b> Hóa trị và công thức hóa học.		
<b>Chủ đề 3: Tốc độ</b>		<b>75%</b>
<b>Bài 8:</b> Tốc độ chuyển động		
<b>Bài 9:</b> Đồ thị quãng đường thời gian		
<b>Bài 10:</b> Đo tốc độ		
<b>Bài 11:</b> Tốc độ và an toàn giao thông		
<b>Chủ đề 4: Âm thanh</b>		
<b>Bài 12:</b> Mô tả sóng âm		
<b>Bài 13:</b> Độ to và độ cao của âm		
<b>Bài 14:</b> Phản xạ âm		



# NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HKI

## MÔN: Lịch sử & Địa lý 7

### \*PHÂN MÔN LỊCH SỬ:

## Bài 1: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

### 1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

- Đầu thế kỉ thứ IV, đế chế La Mã cổ đại suy yếu=> Các bộ tộc Giéc-man (German) xâm chiếm La Mã.
- Năm 476, đế chế La Mã sụp đổ => Các vương quốc phong kiến lần lượt ra đời ở Tây Âu.
- Đến thế kỉ IX, về cơ bản xã hội phong kiến Tây Âu đã hình thành với sự ra đời của hai giai cấp mới đó là lãnh chúa phong kiến và nông nô.

### 2. Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu

#### a. Lãnh địa phong kiến

- Lãnh địa phong kiến được hình thành giữa thế kỉ IX, là những vùng đất đai rộng lớn bị các quý tộc biến thành những vùng đất riêng của họ, được cha truyền con nối.
- Là đơn vị hành chính – kinh tế biệt lập, khép kín:
  - + Lãnh chúa xây dựng lâu đài kiên cố, dinh thự, nhà thờ... với hào sâu và tường bao quanh. Xung quanh là đất đai canh tác, đồng cỏ, ao hồ, rừng và khu nhà ở của nông nô.
  - + Lãnh chúa có toàn quyền cai quản như một ông vua nhỏ.
  - + Kinh tế: nông nghiệp mang tính tự cung tự cấp.

#### b. Quan hệ xã hội

- Lãnh chúa: là người sở hữu nhiều ruộng đất. Họ không phải lao động mà vẫn sống một cuộc sống sung sướng, xa hoa.
  - Nông nô: là người thuê ruộng đất của lãnh chúa để cấy cày, trồng trọt và nộp tô thuế rất nặng cho lãnh chúa.
- => Quan hệ chính trong xã hội phong kiến Tây Âu chủ yếu là giữa lãnh chúa và nông nô.

### 3. Sự xuất hiện của các thành thị trung đại

- Nguyên nhân: vào cuối thế kỉ XI, do nhu cầu phát triển của sản xuất thủ công nghiệp và buôn bán một số thợ thủ công thoát ra khỏi lãnh địa bằng cách bỏ trốn. Họ đến những nơi có đông người qua lại để bán hàng và lập xưởng sản xuất. Các thị trấn nhỏ bắt đầu xuất hiện, dần dần trở thành những thành phố lớn gọi là thành thị trung đại.

#### - Ý nghĩa:

- + Thành thị góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển.
- + Thành thị mang lại không khí tự do và nhu cầu mở mang tri thức cho mọi người (Các trường đại học lớn ở Tây Âu hình thành).
- + Nhiều thành thị là trung tâm kinh tế, văn hóa của Tây Âu như London (Anh), Paris (Pháp)...

### 4. Sự ra đời của Thiên Chúa giáo

- Thiên Chúa giáo ra đời từ thế kỉ I ở Palestin. Ban đầu là tôn giáo của những người nghèo khổ, bị áp bức.
- Đến thế kỉ IV, Thiên chúa giáo được hoàng đế La Mã công nhận.
- Đứng đầu giáo hội Thiên Chúa giáo là Giáo hoàng, người có quyền lực chính trị ảnh hưởng đến sự cai trị của các vị vua.

→ Thiên Chúa giáo trở thành thế lực rất lớn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở Tây Âu.

## BÀI 4: VĂN HÓA PHỤC HƯNG

### **1. Những biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI**

- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện .

- Giai cấp tư sản ra đời có thế lực nhưng chưa có địa vị xã hội => Họ ủng hộ và bảo trợ những tư tưởng mới trong các lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật => phong trào Văn hóa Phục hưng ra đời.

### **2. Những thành tựu tiêu biểu của Phong trào Văn hóa Phục hưng**

- Văn học: Divine comedy của nhà thơ Dante Alighieri; W. Shakespeare với vở kịch Hamlet, Romeo and Juliet; ...

- Nghệ thuật: danh họa Leonardo da Vinci với kiệt tác: Bữa ăn tối cuối cùng, La Joconde... và kiến trúc sư, nhà điêu khắc, họa sĩ Michelangelo với những tác phẩm: Sáng tạo thế giới, tượng David...

- Khoa học – kĩ thuật: thuyết Nhật tâm của N. Copernicus...

### **3. Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hóa Phục hưng đối với xã hội Tây Âu**

- Đề cao giá trị con người, đề cao khoa học tự nhiên, phá vỡ sự thống trị tinh thần của nhà thờ Thiên chúa, đả phá trật tự phong kiến.

- Thay đổi nhận thức của con người, mở đường cho sự phát triển của văn hóa Tây Âu.

## **BÀI 5: PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO**

### **I. Nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo**

- Đến thời kì Phục hưng, Giáo hội công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ, trở thành một thế lực cản trở bước tiến xã hội. Vì thế, giai cấp tư sản đang lên muốn thay đổi và “cải cách” lại tổ chức Giáo hội Thiên Chúa giáo.

### **II. Nội dung và tác động của Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.**

- Nội dung:

+ Công khai phê phán những hành vi sai trái của Giáo hội

+ Phủ nhận vai trò Giáo hội, Giáo hoàng.

+ Chủ trương không thờ tranh, tượng, xây dựng một Giáo hội đơn giản, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

- Tác động:

+ Chia Thiên Chúa giáo thành 2 phái: Cựu giáo và Tân giáo.

+ Châm ngòi cho cuộc chiến tranh nông dân ở Đức.

+ Tác động đến hoạt động phát triển kinh tế của tư sản.

## **BÀI 7: CÁC THÀNH TỰU VĂN HÓA CHỦ YẾU CỦA TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX**

### **1. Nho giáo**

- Nho giáo trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc.

- Nho giáo trở thành nội dung học tập, thi cử.

### **2. Văn học, sử học**

a) Văn học: đạt được nhiều thành tựu ở các thể loại (Thơ, từ, phú, kịch, tiểu thuyết).

- Thơ Đường: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

- Tiểu thuyết với các tác phẩm nổi tiếng:

+ “Thủy hử” của Thi Nại Am.

+ “Tam Quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung.

+ “Tây du ký” của Ngô Thừa Ân.

+ “Hồng lâu mộng” của Tào Tuyết Cần.

b) Sử học:

- Sử kí của Tư Mã Thiên

- Nhiều tác phẩm nổi tiếng: Hán thư, Đường thư...

### **3. Kiến trúc, điêu khắc, hội họa**

- Kiến trúc:
  - + Tử Cấm Thành
  - + Thập Tam lăng.
  - + Chùa Thiên Ninh
- Điêu khắc: tượng Phật nghìn mắt nghìn tay, tượng Phật trên núi Lạc Sơn.
- Hội họa: tranh thủy mặc, họa pháp, thư pháp.

## **Bài 9: VƯƠNG TRIỀU HỒI GIÁO ĐÊ-LI**

### **1. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội**

#### **a. Chính trị**

- Năm 1206 người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ chiếm miền Bắc Ấn Độ, lập nên vương triều Hồi giáo đầu tiên, lấy Đê-li làm kinh đô.
- Đầu thế kỉ XIV vương triều Đê-li thống nhất và phát triển thịnh vượng.
- Đầu thế kỉ XVI vương triều sụp đổ do sự tấn công của người Mông Cổ ở Trung Á.

#### **b. Kinh tế**

- Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng, nhà nước cho đào thêm kênh và hồ chứa nước.
- Nghề thủ công phát triển tạo điều kiện cho giao thương phát triển
- Thương nhân họ đem những mặt hàng nổi tiếng như vải vóc, đồ trang sức, gia vị đổi lấy hàng hóa, đặt biệt đổi lấy ngựa chiến từ các nước Trung Á, Tây Á.

#### **c. Xã hội**

- Tầng lớp Bà La Môn vẫn được xem là đẳng cấp cao nhất, nhưng quyền trong xã hội vẫn thuộc về người Hồi giáo.
- Cư dân Ấn Độ không theo Hồi giáo phải nộp thuế ngoại đạo, bị phân biệt đối xử.

### **2. Thành tựu tiêu biểu về văn hóa**

- **Tôn giáo:** Truyền bá, áp đặt Đạo Hồi vào Ấn Độ. Văn hóa có thêm yếu tố mới – Văn hóa Hồi giáo.
- **Công trình kiến trúc:** nhiều công trình xây dựng theo kiểu Hồi giáo, rất dễ nhận biết bởi các tháp cao, mái vòm, cửa vòm, sân rộng, họa tiết trang trí là chữ A-rập cổ.
- **Chữ viết:** Chữ Ba Tư được du nhập và trở thành ngôn ngữ chính của vương triều Đê-li.
- **Văn học:** Xuất hiện nhiều nhà thơ, nhà văn hóa lớn của dân tộc Ấn Độ.

## **Bài 10. ĐẾ QUỐC MÔ - GÔN**

### **1. Sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời đế quốc Mô – gôn**

- Đầu thế kỉ XVI, do người Mông Cổ lập nên vương triều hồi giáo Mô – Gôn.
- Năm 1556 Hoàng đế A-cơ-ba lên nắm quyền, thống nhất lãnh thổ đưa đế quốc Mô-Gôn bước vào giai đoạn thịnh trị.
- A-cơ-ba thực hiện một loạt cải cách trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội (HS theo dõi SGK trang 40).

### **2. Thành tựu văn hóa tiêu biểu**

- **Văn học:**

- + Nhà thơ Tulasidasa với trường ca Ramcharitmanas
- + Trong thời gian trị vì, vua A-cơ-ba xây dựng thư viện khổng lồ với 24.000 cuốn sách.

#### **- Nghệ thuật:**

- + Nhiều công trình nổi tiếng như: Thành đở Agra, thành Đở Lal Qila. Đặc biệt là công trình kiến trúc lăng mộ Ta-giơ Ma-han một kiệt tác nghệ thuật.
- + Hội họa: phong cách nghệ thuật hội họa Mô-gôn.

## **Bài 11: KHÁI QUÁT VỀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI**

### **1. Quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á**

- Thế kỉ X, nhà nước độc lập thống nhất của người Việt được thành lập. Các vương quốc ra đời trước thế kỉ X bước vào thời kì thống nhất và phát triển.
- Đến thế kỉ XIII, khi quân Mông Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á dẫn đến sự ra đời của một số vương quốc phong kiến mới như: Sukhothai, Ayutthaya, Majapahit.
- Đầu thế kỉ XV, vương quốc Malacca được thành lập và trở thành vương quốc phát triển thịnh vượng ở khu vực.
- Nửa sau thế kỉ X - XVI, là thời kì phát triển của nền kinh tế khu vực.

### **2. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu**

#### **- Tôn giáo:**

- + Phật giáo phát triển rực rỡ.
- + Hồi giáo du nhập vào Đông Nam Á.

- **Chữ viết:** Xuất hiện sớm tạo cơ sở cho sự phát triển của văn học, sử học.

- **Văn học:** Nhiều tác phẩm nổi tiếng: Đám cưới Arjunavivaha của nhà thơ người Java, Kanva, thế kỉ XI; Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu, thế kỉ XIII; Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, thế kỉ XV.

#### **- Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc:**

- + Nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng như: Pa-gan, Ăng-co, Thăng Long.
- + Điêu khắc gỗ của Đại Việt, điêu khắc đá của Campuchia

### **\*PHÂN MÔN ĐỊA LÝ:**

## **Bài 2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU (2 tiết)**

### **1. Đặc điểm dân cư châu Âu**

#### **a. Quy mô và gia tăng dân số**

- Số dân châu Âu năm 2020 là 747,6 triệu người (Chiếm 10% dân số thế giới), đứng thứ tư thế giới về quy mô dân số.
- Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp.

#### **b. Cơ cấu dân cư**

- Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: Dân số già.
- Cơ cấu dân số theo giới tính: Tỷ lệ nữ cao hơn nam.
- Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn cao.

### **2. Đặc điểm di cư ở châu Âu**

- + Từ thế kỉ XV, người châu Âu đã di cư đến khai phá các vùng đất mới ở châu Mỹ.
- + Từ giữa thế kỉ XX đến nay, người nhập cư vào châu Âu tăng mạnh.
- + Châu Âu đã tiếp nhận khoảng 86,7 triệu người di cư quốc tế (2020)
- Thuận lợi: Người nhập cư đã góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động, tăng nhu cầu các sản phẩm và dịch vụ.
- Khó khăn: Việc nhập cư trái phép vào châu Âu gây ra nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội và an ninh trật tự.

### 3. Đặc điểm đô thị hóa châu Âu

- Quá trình đô thị hóa diễn ra sớm.
- Đô thị hóa đang mở rộng, các đô thị vệ tinh xuất hiện ngày càng nhiều.
- Mức độ đô thị hóa cao, tỉ lệ dân đô thị chiếm 75% ( năm 2020).
- Các đô thị lớn: Pa-ri, Mat-xơ-va,...lối sống đô thị trở nên phổ biến.

## Bài 5: THIÊN NHIÊN CHÂU Á

### 1. Vị trí địa lý, hình dạng và kích thước

\* Vị trí địa lí châu Á:

- Lãnh thổ trên đất liền của châu Á kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo dài tới vĩ tuyến 10°N.

- Tiếp giáp:

- + Phía Tây giáp châu Âu.
- + Phía Tây Nam giáp châu Phi qua eo đất Xuy-ê.
- + Phía Bắc giáp Bắc Băng Dương.
- + Phía Đông giáp Thái Bình Dương.
- + Phía Nam giáp Ấn Độ Dương.

\*Kích thước: châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới với diện tích đất liền là 41,5 triệu km<sup>2</sup>, tính cả các đảo thì diện tích khoảng 44,4 triệu km<sup>2</sup>.

\*Hình dạng: có dạng khối rộng lớn, bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển,...

### 2. Đặc điểm tự nhiên

**a/ Địa hình, khoáng sản:** Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên, cao nguyên đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới:

- Khu vực núi, sơn nguyên và cao nguyên: chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ → thuận lợi cho phát triển chăn nuôi du mục, trồng cây đặc sản,...

- Khu vực đồng bằng: chiếm 1/4 diện tích châu Á → thuận lợi cho sản xuất và định cư.

- Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và trữ lượng lớn, gồm sắt, man-gan, đồng, than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,...

**b/ Khí hậu:** phân hóa đa dạng, phổ biến là khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.

- Khí hậu gió mùa (Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á): Mùa đông khô lạnh và ít mưa, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều.

- Khí hậu lục địa (Tây Nam Á): rất khô hạn, mùa đông lạnh và khô, mùa hạ nóng và khô.

**c/ Sông ngòi, hồ:**

- Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn, hồ lớn bậc nhất thế giới, phân bố không đều.

→ Thuận lợi phát triển thủy điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, giao thông đường thủy,...

**d. Các đới thiên nhiên**

- Châu Á có đới thiên nhiên đa dạng: đới lạnh, đới ôn hòa, đới nóng.
- Đa số các đới thiên nhiên ở châu Á đều chịu ảnh hưởng bởi sự khai phá của con người. Việc bảo vệ và phục hồi rừng là nhiệm vụ rất quan trọng của các quốc gia.

## **Bài 6: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI CHÂU Á**

### **1. Đặc điểm Dân cư**

#### **a. Quy mô và cơ cấu dân số**

- Số dân của châu Á là 4,64 tỉ người (năm 2020), chiếm gần 60% thế giới.
- Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm, chỉ còn 0,86% (năm 2020).
- Cơ cấu dân số trẻ, tỉ lệ nam cao hơn nữ trong tổng số dân → lao động dồi dào, sức ép lớn tới việc làm, y tế, giáo dục.
- Một số quốc gia có xu hướng già hóa dân số. ví dụ: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,...
- Có nhiều chủng tộc: Môn-gô-lô-it, Ô-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it.

#### **b. Sự phân bố dân cư.**

- Mật độ dân số cao nhất trong các châu lục (150 người/km<sup>2</sup>).
- Phân bố không đồng đều giữa các quốc gia và khu vực.

#### **c. Các đô thị lớn**

- Tập trung đông đúc ven biển: Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á.
- Thừa thớt ở sâu trong nội địa, những vùng núi cao, khí hậu khắc nghiệt,...
- Tỉ lệ dân thành thị là 50.9%.
- Là châu lục có số lượng đô thị trên 10 triệu dân nhiều nhất thế giới.

### **2. Tôn giáo ở châu Á**

- Nơi ra đời của 4 tôn giáo lớn: Ấn Độ giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo.
- các tôn giáo mở rộng ra toàn thế giới.
- Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á.

## **Bài 7: BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á**

### **1. Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á**

- Hiện nay châu Á có 49 quốc gia, chia thành 6 khu vực: Bắc Á, Trung Á, Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.
- Trình độ phát triển của các quốc gia ở châu Á rất khác nhau, phần lớn thuộc nhóm nước đang phát triển.

### **2. Đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á**

- Bắc Á: khí hậu lạnh nhất.
- Trung Á: nằm sâu trong nội địa, khô hạn.
- Tây Nam Á: khí hậu khô hạn, nhiều dầu mỏ.
- Nam Á: địa hình núi cao, lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa.
- Đông Á: Phân hóa rõ rệt giữa vùng ven biển và sâu trong nội địa, các đảo và quần đảo, nhiều thiên tai.

#### **\* Đông Nam Á:**

- Lãnh thổ gồm 2 bộ phận : phần đất liền và các quần đảo.
- +Địa hình phần đất liền: gồm các dãy núi nối tiếp dãy Hi ma lay a, hướng Bắc-Nam và Tây Bắc- Đông Nam. Đồng bằng phù sa tập trung ở ven biển và hạ lưu các sông lớn.
- +Địa hình các quần đảo: nằm trên vùng có động đất và núi lửa hoạt động.

- Khí hậu: khí hậu xích đạo, cận xích đạo và nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Sông ngòi: có các sông lớn là sông Hồng, sông Mê Công, Biển Hồ,...
- Thực vật: rừng nhiệt đới ẩm, rừng rụng lá theo mùa, rừng xích đạo ẩm, rừng gió mùa.
- Khoáng sản: phong phú như dầu mỏ, thiếc, sắt, than,...

## **Bài 9. THIÊN NHIÊN CHÂU PHI**

### **1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước**

- Vị trí địa lí: nằm ở cả bán cầu Bắc, bán cầu Nam, bán cầu Đông và bán cầu Tây. Phần lớn lãnh thổ nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.
- Hình dạng lãnh thổ: Có dạng hình khối. Đường bờ biển ít bị chia cắt; ít vịnh biển, bán đảo và đảo.
- Kích thước: diện tích hơn 30 triệu km<sup>2</sup>, là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới.

### **2. Đặc điểm tự nhiên**

#### *a. Địa hình và khoáng sản*

- Địa hình:
  - + Châu Phi có địa hình bề mặt khá bằng phẳng, cao trung bình 750m.
  - + Cao về phía đông nam và thấp dần về phía tây bắc.
  - + Có các dạng địa hình chính: sơn nguyên, bồn địa, hoang mạc, núi thấp và đồng bằng.
- Khoáng sản đa dạng, phong phú: Vàng, kim cương, sắt, dầu mỏ, khí tự nhiên, u-ra-ni-um, crôm, mangan, ... phân bố không đều.

#### *b. Khí hậu*

- Châu Phi là châu lục có nhiệt độ trung bình cao nhất thế giới, mưa tương đối ít
- Các đới khí hậu: Xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới và cận nhiệt.

#### *c. Sông, hồ*

- Mạng lưới sông ngòi phân bố không đều. Nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là nước mưa.
- Một số hệ thống sông lớn: sông Công gô, sông Ni-giê, sông Nin, ...
- Có nhiều hồ lớn phân bố ở Đông Phi -> cung cấp nước ngọt và thủy sản.

#### *d. Các môi trường tự nhiên*

Có 4 môi trường, đối xứng nhau qua xích đạo:

- Môi trường xích đạo.
- Môi trường nhiệt đới.
- Môi trường hoang mạc.
- Môi trường cận nhiệt.

TRƯỜNG THCS CỬU LONG

NHÓM: CD - CN - TD

**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HKI (2025-2026)**

**MÔN: GDCD 7**

**I. Hình thức:**

- Trắc nghiệm: 30%
- Tự luận: 70%

**II. Nội dung:**

- Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ.
- Bài 4: Giữ chữ tín.
- Bài 5: Bảo tồn di sản văn hóa.

**HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM  
ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I  
MÔN CÔNG NGHỆ - NĂM HỌC 2025 - 2026**

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 60% trắc nghiệm, 40% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 50% Nhận biết; 40% Thông hiểu; 10% Vận dụng.
- + Phần trắc nghiệm lựa chọn: 4.0 điểm (gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm).
- + Phần trắc nghiệm điền khuyết, nối cột, đúng sai, ...: 2.0 điểm (mỗi ý 0.5 điểm).
- + Phần tự luận: 4.0 điểm (từ 2 đến 3 câu hỏi, trong đó có câu vận dụng)

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Nội dung kiến thức trọng tâm kiểm tra:** Từ đầu HK1 đến hết tuần 14.

\* **CÔNG NGHỆ 7:**

**BÀI 1: NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM**

**Nhận biết:**

- Trình bày được vai trò của trồng trọt đối với đời sống con người và nền kinh tế.
- Nêu được triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.

Kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam (cây lương thực, cây ăn quả, cây rau...). Cho ví dụ minh họa.

**Thông hiểu:**

Nêu được bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng của một số loại cây trồng phổ biến

**BÀI 2: CÁC PHƯƠNG THỨC TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM**

**Nhận biết:**

Nêu được các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.

**Thông hiểu:**

Nêu được ưu, nhược điểm của các phương thức trồng trọt phổ biến ở nước ta.

**Vận dụng**

Đề xuất được phương thức trồng trọt phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương.

**BÀI 3: QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT**

**Nhận biết:**

- Kể tên được các công việc làm đất trồng cây, các cách bón phân lót.
- Trình bày được mục đích của việc làm đất, bón phân lót.
- Nêu được các phương thức gieo trồng phổ biến.
- Nêu được các mùa vụ gieo trồng chính ở nước ta.
- Kể tên được các công việc chính để chăm sóc cây trồng.
- Trình bày được mục đích của việc chăm sóc cây trồng
- Kể tên được một số biện pháp chính phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.
- Trình bày được nguyên tắc của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng
- Nêu được mục đích của việc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng
- Kể tên được một số biện pháp chính trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

- Cho ví dụ minh họa. Trình bày được mục đích của việc thu hoạch sản phẩm trồng trọt

### **Thông hiểu**

- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất.
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc bón phân lót.
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc của việc gieo trồng
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc chăm sóc cây trồng (tỉa dặm cây, làm cỏ, vun xới, tưới tiêu nước, bón phân thúc)
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.
- Trình bày được ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của một số biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt.
- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình giâm cành.

### **Vận dụng:**

- Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của việc làm đất, bón phân lót cho một đối tượng cây trồng cụ thể.
- Vận dụng kiến thức làm đất và bón phân lót với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.
- Vận dụng kiến thức về gieo trồng với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.
- Lựa chọn được biện pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.

### **Vận dụng cao:**

Lựa chọn được các phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng phù hợp với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.

## **BÀI 4: NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH**

### **Nhận biết:**

Nêu được các bước trong quy trình giâm cành.

### **Thông hiểu**

Trình bày được yêu cầu kỹ thuật của các bước trong quy trình giâm cành.

### **Vận dụng:**

- Vận dụng kiến thức về giâm cành vào thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.

## **BÀI 5: RỪNG Ở VIỆT NAM**

### **Nhận biết, thông hiểu:**

- Vai trò của rừng.
- Mục đích sử dụng của rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.
- Kể tên 3 vườn quốc gia ở Việt Nam.

# NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I

## MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 7

### CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH VÀ ĐÔ THỊ HOÁ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

#### I. Vùng đất Bình Dương thế kỉ X – XV

- Ở những thế kỉ đầu Công nguyên, vùng đất thuộc Đông Nam Bộ ngày nay, trong đó có Bình Dương, về danh nghĩa thuộc Vương quốc Phù Nam. Đến thế kỉ VII, Phù Nam suy yếu bị Chân Lạp xâm chiếm và thay thế. Trong suốt nhiều thế kỉ, chính quyền Chân Lạp không tổ chức quản lí, khai thác vùng đất này.

- Vào thế kỉ XIII, vùng đất thuộc Đông Nam Bộ ngày nay, trong đó có Bình Dương hoang vu, hiểm trở, nhiều rừng rậm, sông suối. Cư dân bản địa sinh sống chủ yếu là tộc người Xtiêng.

- Cho đến thế kỉ XV, vùng đất Bình Dương vẫn là vùng đất hoang, chưa được khai phá.

#### II. Vùng đất Bình Dương thế kỉ XVI – XVII

- Vào thế kỉ XVI, vùng đất thuộc Bình Dương ngày nay nằm trên khu vực giữa hai con sông Phước Long (sông Đồng Nai) và sông Tân Bình (sông Sài Gòn). Các tư liệu ghi chép về thời kì này đều cho thấy vùng đất Nam Bộ, trong đó có Bình Dương, vẫn còn là vùng đất hoang vắng. Cảnh quan chủ yếu là rừng, đồi, sông suối hiểm trở, truông, vực cheo leo, bụi rậm gai góc, những cánh rừng dầu cổ thụ phủ kín các ngọn đồi.

- Dân tộc bản địa sinh sống ở vùng đất Bình Dương xưa là tộc người Xtiêng. Địa bàn cư trú của người Xtiêng khá rộng. Họ sống rải rác thành từng làng, chủ yếu khai thác sản vật rừng, làm rẫy.

#### III. Đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất và có tốc độ đô thị hóa nhanh nhất Việt Nam. Trong nhiều thập kỷ qua, thành phố đã mở rộng mạnh mẽ về quy mô dân số, diện tích và cơ sở hạ tầng. Các khu đô thị mới như Phú Mỹ Hưng, Thủ Thiêm và nhiều khu công nghiệp hiện đại đã hình thành, thu hút hàng triệu người lao động từ khắp cả nước đến sinh sống và làm việc. Sự phát triển công nghiệp – dịch vụ, cùng với đầu tư lớn vào giao thông và nhà ở, đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa diễn ra liên tục. Tuy nhiên, đô thị hóa nhanh cũng gây ra nhiều thách thức như kẹt xe, ô nhiễm, ngập lụt và thiếu không gian xanh. Thành phố đang hướng tới phát triển đô thị bền vững, mở rộng giao thông công cộng và xây dựng thành phố thông minh nhằm nâng cao chất lượng sống cho người dân.

#### IV. Tác động của đô thị hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

- Đô thị hoá đã tạo ra nhiều chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế – xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh. Trước hết, quá trình này thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng nhờ thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất – dịch vụ và hình thành nhiều khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Nhờ đó, thành phố trở thành trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, tạo ra hàng triệu việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, đô thị hoá cũng thúc đẩy hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và mở rộng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội.

- Tuy nhiên, đô thị hoá nhanh cũng mang đến nhiều thách thức. Tốc độ gia tăng dân số đô thị gây áp lực lên nhà ở, y tế, giao thông và môi trường. Tình trạng kẹt xe, ô nhiễm không khí, ngập úng và quá tải hạ tầng trở nên phổ biến. Ngoài ra, khoảng cách giàu – nghèo và chênh lệch phát triển giữa các khu vực cũng gia tăng, đòi hỏi thành phố phải có chiến lược quản lý và phát triển bền vững.

---

Nhìn chung, đô thị hoá có tác động hai mặt: vừa thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của TP.HCM, vừa đặt ra nhiều vấn đề xã hội – môi trường cần giải quyết để thành phố phát triển bền vững trong tương lai.

---

## **CHỦ ĐỀ 2: LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVI**

### **I. Thành phố Hồ Chí Minh từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI**

Từ thế kỉ X đến XVI, vùng đất Sài Gòn – Gia Định ngày nay chưa trở thành một đô thị lớn mà chủ yếu là khu vực cư trú của người Khmer với những làng nhỏ ven sông. Vùng đất này nằm ở vị trí chiến lược, tiếp giáp miền biển và các tuyến giao thông quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu văn hoá và buôn bán. Đến cuối thế kỉ XV – XVI, người Việt bắt đầu di cư vào Nam nhiều hơn, mở ra thời kỳ khai phá và hình thành cộng đồng cư dân đa dạng.

### **II. Hoạt động kinh tế**

#### **1. Sản xuất nông nghiệp**

- - Ở vùng đồi núi thấp (vùng gò đồi), cư dân canh tác nông nghiệp theo phương thức truyền thống là đốt rừng làm nương rẫy để gieo trồng lúa nương (lúa rẫy) theo lối “phát, đốt, chọc, tria” (chặt phá cây rừng, đốt nương rẫy, chọc lỗ, tra hạt giống). Năng suất lúa còn thấp vì kĩ thuật canh tác lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và thường xuyên bị sâu bọ, chim muông, thú rừng phá hoại.

Chăn nuôi chưa được chú trọng vì vật nuôi chủ yếu dùng làm vật tế trong các lễ hiến sinh, cúng thần, lễ cưới; trâu, bò ít được sử dụng để cày kéo.

Các hoạt động kinh tế khác như săn bắn, hái lượm, đánh bắt thủy, hải sản, khai thác lâm, thổ sản khác vẫn phổ biến và đem lại nguồn lợi kinh tế quan trọng, thiết thực cho cộng đồng; một phần nguồn thức ăn thường ngày còn lệ thuộc vào tự nhiên “ăn rừng, uống nước trời”.

Công cụ sản xuất gồm dao côi, chà gạc (xà gạc), chiếc rìu, cây chọc lỗ (để tra hạt); vũ khí dùng để tự vệ, săn bắn là cung tên, nỏ, bẫy thú; vật dụng có chày, cối giã,....

#### **2. Thủ công nghiệp, thương nghiệp**

##### **a) Thủ công nghiệp**

- Các nghề thủ công như dệt thổ cẩm, đan lát, làm đồ trang sức, nghề rèn, đồ gốm tiếp tục phát triển. Các loại thổ cẩm, chăn, váy, khố được dệt từ cây bông, nhuộm màu từ nhựa cây rừng.

- Đan lát là nghề phổ biến với các sản phẩm bằng tre, mây như gùi, dụng cụ đánh bắt thủy, hải sản,... Nghề làm đồ trang sức với các sản phẩm như vòng, chuỗi cườm, khuyên (hoa tai),....

##### **b) Thương nghiệp**

- Cư dân trong vùng chú trọng trao đổi sản phẩm với các vùng lân cận, hình thức trao đổi là vật đổi vật, sản phẩm trao đổi chủ yếu được khai thác từ rừng như gỗ, mật, sáp ong để đổi lấy đồ trang sức bằng vàng, thủy tinh, mã não, đồ gốm tốt,....

### **III. Văn hoá, xã hội**

#### **1. Văn hoá**

Văn hoá khu vực mang dấu ấn giao thoa giữa văn hoá Khmer bản địa với văn hoá Việt, Chăm và ảnh hưởng từ thương nhân nước ngoài. Các tập tục sinh hoạt, lễ hội dân gian, kiến trúc và ẩm thực đều thể hiện sự hòa hợp đa dạng của nhiều cộng đồng cư dân.

- Cư dân ở vùng đất Bà Rịa – Vũng Tàu có đời sống văn hoá phong phú, độc đáo, thể hiện bản sắc riêng.

## **2. Quan hệ xã hội**

- Quan hệ xã hội mang tính chất cộng đồng, gắn bó trong quá trình khai phá vùng đất mới. Người dân hỗ trợ nhau trong sản xuất, chống thiên tai và bảo vệ cuộc sống. Sự hội tụ của các nhóm cư dân khác nhau cũng góp phần tạo nên một xã hội cởi mở, giàu tính giao lưu và thích nghi

- Nhạc cụ tiêu biểu là bộ công chiêng bằng đồng,...

- Về tín ngưỡng: họ tin có thần (Yang), thờ cúng nhiều vị thần như thần núi, thần sông, thần lúa, thần rừng, thường mô gia súc để tế thần.

- Văn học: vốn văn học dân gian khá phong phú gồm truyền thuyết, truyện cổ, những bài dân ca trữ tình, các điệu hát đối đáp trong những dịp lễ hội,...

- Các lễ hội: hằng năm, tổ chức các lễ hội như cúng thần lúa, cúng thần rừng.

---

## **CHỦ ĐỀ 3: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **I. Một số di sản văn hoá tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **1. Di sản văn hoá vật thể**

a) Di tích khảo cổ cù lao Rùa

b) Địa đạo Củ Chi

c) Nhà tù Côn Đảo

d) Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh

#### **2. Di sản văn hoá phi vật thể**

a) Ca trù và nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ

b) Lễ hội Nghinh Ông Thắng Tam

c) Nghệ thuật Lân, Sư, Rồng

.....

### **II. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá**

- Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hội tụ nhiều di sản văn hoá quan trọng, bao gồm cả di sản vật thể như Dinh Độc Lập, Nhà thờ Đức Bà, Chợ Bến Thành, các đình – chùa cổ; và di sản phi vật thể như lễ hội Nguyên Tiêu, nghề truyền thống, ẩm thực, nghệ thuật đờn ca tài tử. Việc bảo tồn và phát huy các di sản này có ý nghĩa đặc biệt trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá đô thị, giáo dục truyền thống và phát triển du lịch.

- Trước hết, thành phố chú trọng trùng tu, tôn tạo các công trình cổ, đảm bảo giữ gìn kiến trúc nguyên gốc, đồng thời kết hợp công nghệ để giám sát và bảo vệ di tích. Bên cạnh đó, các hoạt động quảng bá, trưng bày, hướng dẫn tham quan, cũng như số hóa dữ liệu di sản được đẩy mạnh để đưa di sản đến gần hơn với cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ.

- Thành phố còn khuyến khích khai thác di sản gắn với du lịch bền vững, xây dựng các tour tham quan di tích, phố đi bộ, lễ hội văn hoá, qua đó vừa phát triển kinh tế, vừa nâng cao ý thức bảo tồn. Ngoài ra, việc tuyên truyền trong trường học, tổ chức cuộc thi, sự kiện văn hoá – nghệ thuật cũng góp phần lan tỏa giá trị di sản.

---

## **CHỦ ĐỀ 4: SẮC MÀU NGÔN NGỮ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **1. Sự đa dạng của ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh**

Thành phố Hồ Chí Minh quy tụ người dân từ nhiều vùng miền của cả nước về sinh sống, học tập, làm việc. Vì vậy, tiếng Việt được sử dụng ở nơi đây đa dạng về cách phát âm, dùng từ. Ở Thành phố mang tên Bác, trong giao tiếp hằng ngày, ta có thể nghe được những giọng miền Bắc, miền Trung bên cạnh những từ ngữ mang đậm màu sắc địa phương. Do đó, ngôn ngữ ở nơi này không chỉ mang màu sắc của ngôn ngữ bản địa mà còn có sự đa dạng từ ngôn ngữ các vùng miền và dân tộc khác. Mặt khác, với sự phát triển và hội nhập mạnh mẽ, Thành phố Hồ Chí Minh thu hút nhiều người nước ngoài đến du lịch hoặc định cư học tập và làm việc lâu dài. Một số ngôn ngữ nước ngoài như tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn,... được sử dụng tại nhiều địa điểm tham quan và các môi trường học tập, làm việc có yếu tố quốc tế.

### **2. Sự hài hoà trong sắc màu ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh**

- Ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh còn có đặc điểm nổi bật khác là tính dung hợp, hài hoà. Những sắc màu phong phú trong bức tranh ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh đã hoà quyện cùng nhau, tạo nên vẻ đẹp đặc trưng. Ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh dung hợp mọi cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ các nước và ngôn ngữ các vùng miền ở Việt Nam, kết hợp hài hoà và tạo nên bản sắc riêng của ngôn ngữ ở Thành phố mang tên Bác. Dù là người bản địa hay người đến từ vùng miền, đất nước khác, nếu đã gắn bó dài lâu với Thành phố Hồ Chí Minh thì chắc chắn trong lời ăn tiếng nói sẽ có những nét đặc trưng riêng của nơi đây

### **3. Vai trò và phương án bảo tồn ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh**

- Sự đa dạng và tính hài hoà của ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống văn hoá và sự phát triển kinh tế, xã hội nơi đây. Ngôn ngữ ở Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành phương tiện giao tiếp hiệu quả, gắn kết cộng đồng. Mặt khác, nó cũng tạo nên màu sắc văn hoá đa dạng, phong phú, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu quốc tế, góp phần dựng xây và phát triển đất nước

- Là công dân Thành phố Hồ Chí Minh, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy thứ của cải quý báu và thiêng liêng của dân tộc. Giữ gìn tiếng nói, chữ viết là giữ gìn bản sắc văn hoá, ý chí, nguồn cội của dân tộc mình. Trong xu thế tiếp biến, hội nhập văn hoá đang diễn ra mạnh mẽ, việc bảo tồn, phát triển ngôn ngữ trở nên quan trọng và cấp thiết, là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành và chính mỗi người dân

Họ và tên HS:.....Lớp 7A

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ HỌC KÌ I**  
**MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP\_LỚP 7 NĂM HỌC 2025 -**  
**2026**

**TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1. Tự nhận thức là gì?**

- A. Khả năng hiểu bản thân, biết điểm mạnh – điểm yếu
- B. Khả năng giao tiếp với người khác
- C. Khả năng đặt mục tiêu
- D. Khả năng làm việc nhóm

**Câu 2. Việc hiểu rõ ưu điểm của bản thân giúp em điều gì?**

- A. Tự đánh giá thấp mình
- B. Lựa chọn hoạt động phù hợp
- C. Tránh mọi thách thức
- D. Phụ thuộc vào bạn bè

**Câu 3. Biểu hiện của người có tự nhận thức tốt là:**

- A. Luôn bắt chước người khác
- B. Nhận ra cảm xúc của bản thân
- C. Không chịu lắng nghe góp ý
- D. Dễ bị ảnh hưởng bởi đám đông

**Câu 4. Khi nhận ra điểm yếu của bản thân, điều nên làm nhất là:**

- A. Bỏ qua vì không quan trọng
- B. Cáu gắt và tự trách
- C. Tìm cách cải thiện
- D. Tránh mọi hoạt động liên quan

**Câu 5. Công cụ giúp phát triển tự nhận thức:**

- A. Tự thoại tích cực
- B. Ghi chép nhật ký cảm xúc
- C. Nhờ người khác phản hồi
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 6. Nhận thức sai về bản thân có thể dẫn đến:**

- A. Lựa chọn nghề nghiệp không phù hợp
- B. Tự tin quá mức
- C. Thiếu động lực
- D. Cả A, B, C

**Câu 7. Để nhận biết cảm xúc bản thân, em nên:**

- A. Giấu mọi cảm xúc
- B. Không cần suy nghĩ
- C. Quan sát phản ứng cơ thể và tâm trạng
- D. Chỉ hỏi bạn bè

**Câu 8. Kỹ năng giao tiếp là:**

- A. Khả năng nói to
- B. Khả năng trao đổi thông tin hiệu quả
- C. Chỉ là kỹ năng nói
- D. Chỉ là kỹ năng viết

**Câu 9. Yếu tố quan trọng nhất trong giao tiếp hiệu quả là:**

- A. Lắng nghe tích cực
- B. Nói càng nhiều càng tốt
- C. Bắt người khác nghe mình
- D. Không để ai hỏi lại

**Câu 10. Khi giao tiếp, ánh mắt có vai trò:**

- A. Tạo sự tránh né
- B. Tăng sự kết nối
- C. Không có ý nghĩa
- D. Khiên cuộc nói chuyện khó khăn

**Câu 11. Trong làm việc nhóm, điều quan trọng nhất để hợp tác tốt là:**

- A. Tự làm một mình cho nhanh
- B. Gây áp lực cho bạn
- C. Tôn trọng và chia sẻ nhiệm vụ
- D. Mặc kệ ý kiến người khác

**Câu 12. Hành vi nào sau đây thể hiện kỹ năng giao tiếp tốt?**

- A. Ngắt lời người khác
- B. Không quan tâm cảm xúc
- C. Lắng nghe và phản hồi phù hợp
- D. Chỉ nói ý kiến của mình

**Câu 13. Một nhóm hoạt động hiệu quả khi:**

- A. Có sự phân công rõ ràng
- B. Mỗi người tự làm việc riêng
- C. Không cần trao đổi
- D. Tránh tranh luận

**Câu 14. Khi xảy ra mâu thuẫn trong nhóm, cách giải quyết tốt nhất là:**

- A. Đổ lỗi
- B. Tránh mặt
- C. Thảo luận để tìm ra nguyên nhân
- D. Mặc kệ để tự hết

**Câu 15. Thích ứng là gì?**

- A. Cố gắng thay đổi người khác
- B. Khả năng điều chỉnh hành vi phù hợp với hoàn cảnh
- C. Làm theo mọi người vô điều kiện
- D. Tránh mọi thay đổi

**Câu 16. Biểu hiện của người có khả năng thích ứng tốt:**

- A. Luôn than phiền khi gặp việc mới
- B. Nhanh chóng bình tĩnh và tìm cách giải quyết vấn đề
- C. Từ chối mọi thử thách
- D. Không chịu học hỏi.

**Câu 17. Khi gặp tình huống mới, em nên làm gì để thích ứng?**

- A. Mất bình tĩnh
- B. Quan sát – tìm hiểu – điều chỉnh
- C. Tự khẳng định mình luôn đúng
- D. Bỏ cuộc ngay lập tức

**Câu 18. Một trong những yếu tố giúp tăng khả năng thích ứng là:**

- A. Rèn luyện tư duy linh hoạt
- B. Không chịu đổi mới
- C. Né tránh thử thách
- D. Tự cô lập bản thân

**Câu 19. Người không thích ứng thường có biểu hiện:**

- A. Dễ bị mất động lực
- B. Hay căng thẳng
- C. Khó làm việc nhóm
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 20. Để thích ứng với môi trường học tập mới, em cần:**

- A. Tìm hiểu nội quy, cách học và làm quen bạn bè
- B. Không giao tiếp với ai
- C. Chỉ làm theo thói quen cũ
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào người khác

**Câu 21. Khả năng thích ứng có lợi vì:**

- A. Giúp em dễ hòa nhập và thành công
- B. Khiến em bị động
- C. Làm em không cần cố gắng
- D. Giảm khả năng sáng tạo

**Câu 22. Quản lý cảm xúc là gì?**

- A. Kìm nén mọi cảm xúc
- B. Điều khiển và điều chỉnh cảm xúc một cách phù hợp
- C. Phụ thuộc vào cảm xúc
- D. Bộc lộ cảm xúc bất cứ khi nào

**Câu 23. Biểu hiện của người biết quản lý cảm xúc:**

- A. Dễ cáu gắt
- B. Kiểm soát được lời nói và hành động
- C. Hay làm theo cảm tính
- D. Tránh mọi tình huống khó chịu

**Câu 24. Phương pháp giúp kiểm soát cảm xúc tiêu cực:**

- A. Thở sâu – giữ bình tĩnh
- B. Trút giận lên người khác
- C. Phớt lờ cảm xúc
- D. Che giấu hoàn toàn cảm xúc

**Câu 25. Khi gặp căng thẳng, em nên:**

**A. Nghỉ ngơi, chia sẻ với bạn bè hoặc người thân**

B. Tự trách bản thân liên tục

C. La hét

D. Giữ cho người khác không biết

**Câu 26. Tình huống nào cho thấy em chưa quản lý tốt cảm xúc?**

A. Bình tĩnh khi bị góp ý

**B. Nổi nóng với bạn khi bị hiểu lầm**

C. Biết lắng nghe

D. Tự điều chỉnh trước khi nói

**Câu 27. Lợi ích của quản lý cảm xúc là:**

A. Giúp giao tiếp tốt hơn

B. Tránh xung đột và căng thẳng

C. Tăng chất lượng học tập

**D. Tất cả các ý trên**

**Câu 28. Kỹ thuật “đếm từ 1 đến 10” khi tức giận nhằm:**

A. Tránh gặp mọi người

**B. Giảm phản ứng bốc đồng**

C. Tỏ vẻ im lặng

D. Làm người khác sợ

## **II. TỰ LUẬN**

**Câu 1: Vì sao học sinh cần hiểu được điểm mạnh của bản thân?**

- Hiểu điểm mạnh giúp em tự tin hơn, lựa chọn hoạt động phù hợp và phát huy tốt khả năng trong học tập cũng như các hoạt động khác.

**Câu 2: Em hiểu thế nào là kỹ năng lắng nghe tích cực?**

- Lắng nghe tích cực là tập trung vào lời nói của người khác, không cắt ngang, thể hiện sự tôn trọng và phản hồi phù hợp để người nói cảm thấy được thấu hiểu.

**Câu 3: Lợi ích của việc lập thời gian biểu hằng ngày là gì?**

- Giúp em sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên, tránh quên nhiệm vụ, tiết kiệm thời gian và học tập hiệu quả hơn.

**Câu 4: Tình huống: Em nhận thấy mình mạnh dạn trong thuyết trình nhưng lại thiếu kiên nhẫn khi làm việc lâu dài. Em sẽ làm gì để hoàn thiện bản thân?**

- Em sẽ tiếp tục luyện kỹ năng thuyết trình để phát huy điểm mạnh. Đồng thời, em rèn kiên nhẫn bằng cách đặt mục tiêu nhỏ, luyện tập từng bước và cố gắng duy trì công việc đến khi hoàn thành.

**Câu 5: Tình huống: Trong hoạt động nhóm, một bạn không chịu lắng nghe ý kiến của người khác. Nếu là thành viên trong nhóm, em sẽ xử lý thế nào?**

- Em sẽ nhẹ nhàng góp ý để bạn hiểu cần tôn trọng ý kiến chung. Em đề nghị nhóm thực hiện quy tắc: mỗi người phát biểu lần lượt, không cắt ngang để đảm bảo hợp tác tốt hơn.

**Câu 6: Tình huống: Em có bài tập Toán và một bài báo cáo phải nộp trong cùng một ngày. Em sẽ lập kế hoạch thế nào để hoàn thành đúng hạn?**

- Em xác định việc nào cần nhiều thời gian hơn để làm trước, sau đó chia nhỏ các nhiệm vụ và đặt thời gian cụ thể. Em tránh trì hoãn và kiểm tra lại kế hoạch để đảm bảo hoàn thành cả hai bài đúng hạn.

# THÔNG NHẤT

## **NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I** **Năm học 2025 – 2026 – Môn: Nghệ thuật ( Mỹ thuật )**

### **I. CÁC NỘI DUNG THÔNG NHẤT**

#### **1/ Nội dung ôn tập kiểm tra giữa kì 1.**

*b/ Khối 7: Từ tuần 9 ngày 03/11/2025 đến tuần 15 ngày 15/12/2025*

- Chủ đề: Nghệ thuật Trung đại Việt nam.

- Bài 5: Bà sách với di sản kiến trúc Việt Nam.

- Chủ đề: Hình khối trong không gian.

- Bài 6: Mẫu vật dạng khối trụ, khối cầu.
- Bài 7: Ngôi nhà trong tranh.
- Bài 8: Chao đèn trong kiến trúc.

#### **2/ Hình thức:**

- Thực hành cá nhân.
- Khô giấy A/4
- Màu sắc: Tự chọn.

# Đề cương ôn tập kiểm tra cuối kì I môn Nghệ Thuật - Âm Nhạc

## Khối 7

### 1.Hát:

- Vui đến trường
- Niềm vui gia đình
- Lời cô

### 2.Đọc nhạc:

- Bài đọc nhạc số 1
- Bài đọc nhạc số 2

### 3. Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu

- Bài thực hành số 1
- Bài thực hành số 2

### 4.Lí thuyết âm nhạc:

- Dấu nhắc lại, khung thay đổi, dấu quay lại
- Kí hiệu để tăng cường độ nốt nhạc

### 5. Thường thức âm nhạc:

- Một số thể loại ca khúc
- Nhạc sĩ Hoàng Vân